



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Quyết định Thành lập số 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 6 tháng 10 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tiến Trường
Ông Trần Quang Nghị
Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Vũ Hồng Tuấn
Ông Nguyễn Xuân Đông

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Ủy viên (từ ngày 31/05/2023)
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Nguyễn Song Hải
Ông Lê Trung Hải
Ông Phạm Văn Tân
Ông Lê Mạc Thuần
Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Phạm Xuân Trình

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng
Bà Đoàn Thị Thu Hương
Bà Đặng Thị Hồng Lê
Bà Đào Thị Minh Hòa
Bà Nguyễn Lê Trà My

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 31/05/2023)
Thành viên (đến ngày 31/05/2023)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam **Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 80 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 6 đến trang 80.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Ngoại trừ giới hạn phạm vi soát xét được đề cập trong phần Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ, chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ

Phần lãi trong công ty liên kết

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 977.474 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 1.017.097 triệu VND). Phần lãi từ Công ty TNHH Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 232.322 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022: lãi 236.446 triệu VND).

Chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Công ty TNHH Coats cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022 cũng như không trao đổi được thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này, nên không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và phần lãi trong Công ty TNHH Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ghi nhận cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các số liệu này nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết.

Trích lập quỹ lương dự phòng

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, một công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, đã ghi nhận khoản dự phòng tiền lương để trả cho công nhân viên với số tiền 101,1 tỷ VND và 14,2 tỷ VND lần lượt vào giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên, công ty con này không cung cấp được các chứng từ chứng minh công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại với người lao động tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như được quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng ("CMKTVN 18"). Chúng tôi không thể áp dụng các thủ tục soát xét thay thế nào đối với các khoản dự phòng tiền lương được ghi nhận trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Nếu công ty con này thực hiện ghi nhận các khoản dự phòng khi đủ điều kiện theo quy định của CMKTVN 18, thông tin so sánh liên quan đến giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 sẽ giảm lần lượt 101,1 tỷ VND và 14,2 tỷ VND; thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ tăng 23,1 tỷ VND.





Kết luận soát xét ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-02-00188-R-23-2



Trương Vinh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **29-08-2023**

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 2594-2019-007-1



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		8.770.485.093.776	9.555.808.675.234
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	552.711.787.949	615.868.535.508
Tiền	111		337.427.862.774	420.520.709.544
Các khoản tương đương tiền	112		215.283.925.175	195.347.825.964
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.448.377.984.294	2.214.675.356.346
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	2.448.377.984.294	2.214.675.356.346
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.092.744.265.575	2.331.075.002.806
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	1.902.750.565.272	2.021.874.040.655
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		158.790.282.197	111.607.316.360
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	27.133.180.425	23.751.260.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	333.882.079.495	497.754.646.941
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(330.931.272.763)	(325.389.110.949)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.119.430.949	1.476.849.799
Hàng tồn kho	140	15	3.360.696.303.856	4.137.861.929.531
Hàng tồn kho	141		3.499.061.226.849	4.471.910.096.770
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(138.364.922.993)	(334.048.167.239)
Tài sản ngắn hạn khác	150		315.954.752.102	256.327.851.043
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	22(a)	31.491.754.923	27.971.288.981
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		271.537.571.817	218.835.165.035
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	25(a)	12.925.425.362	9.521.397.027

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		10.328.207.649.623	10.477.930.783.065
Các khoản phải thu dài hạn	210		104.354.659.398	97.978.293.843
Trả trước cho người bán dài hạn	212		14.917.485.000	14.917.485.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	12	20.931.500.383	34.041.093.698
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	174.615.598.811	155.129.639.941
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	14	(106.109.924.796)	(106.109.924.796)
Tài sản cố định	220		6.050.589.872.339	6.254.562.596.946
Tài sản cố định hữu hình	221	16	5.752.628.815.920	5.980.189.726.245
Nguyên giá	222		14.013.700.475.591	14.047.149.297.127
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.261.071.659.671)	(8.066.959.570.882)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	17	203.328.836.085	178.801.281.894
Nguyên giá	225		254.027.993.320	259.886.672.342
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(50.699.157.235)	(81.085.390.448)
Tài sản cố định vô hình	227	18	94.632.220.334	95.571.588.807
Nguyên giá	228		148.917.790.745	155.582.601.062
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.285.570.411)	(60.011.012.255)
Bất động sản đầu tư	230	19	373.034.019.558	382.731.447.149
Nguyên giá	231		499.004.703.248	500.054.345.295
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(125.970.683.690)	(117.322.898.146)
Tài sản dở dang dài hạn	240		528.117.345.668	465.975.046.749
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	20	65.337.246.943	65.337.246.943
Xây dựng cơ bản dở dang	242	21	462.780.098.725	400.637.799.806
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.939.852.561.144	2.932.950.394.488
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	10(b)	2.791.023.612.280	2.787.135.254.314
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10(b)	179.577.524.232	179.577.524.232
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	10(b)	(35.148.575.368)	(38.162.384.058)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	10(a)	4.400.000.000	4.400.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		332.259.191.516	343.733.003.890
Chi phí trả trước dài hạn	261	22(b)	310.932.023.826	321.472.882.909
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	23	20.745.808.757	21.678.762.048
Tài sản dài hạn khác	268		581.358.933	581.358.933
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		19.098.692.743.399	20.033.739.458.299

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.066.797.059.357	10.603.676.587.070
Nợ ngắn hạn	310		6.691.076.153.057	7.078.450.540.243
Phải trả người bán ngắn hạn	311	24	1.165.688.378.849	1.204.970.511.850
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		115.254.337.447	85.895.957.054
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25(b)	214.247.015.922	151.584.430.097
Phải trả người lao động	314		527.662.568.860	769.743.000.147
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	26(a)	96.910.590.632	109.250.873.186
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	27	20.849.603.983	18.440.942.495
Phải trả ngắn hạn khác	319	28(a)	453.097.433.898	198.582.753.942
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	29(a)	3.761.436.813.802	4.232.687.030.334
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	30	103.928.621.889	103.928.621.889
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	31	232.000.787.775	203.366.419.249
Nợ dài hạn	330		3.375.720.906.300	3.525.226.046.827
Phải trả người bán dài hạn	331		17.600.000	17.600.000
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		3.512.912.296	4.882.461.915
Chi phí phải trả dài hạn	333	26(b)	9.761.834.880	10.226.684.160
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	27	310.568.244.188	314.821.391.134
Phải trả dài hạn khác	337	28(b)	71.292.416.519	71.202.443.574
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29(b)	2.882.872.293.868	3.026.001.978.852
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	97.695.604.549	73.407.818.622
Dự phòng phải trả dài hạn	342	30	-	24.665.668.570

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	32	9.031.895.684.042	9.430.062.871.229
Vốn chủ sở hữu	410		9.010.701.980.630	9.407.848.354.307
Vốn cổ phần	411	33	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Vốn khác của chủ sở hữu	414		214.733.466.584	141.681.258.484
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(747.830.122.185)	(747.830.122.185)
Quỹ đầu tư phát triển	418	34	766.102.276.978	729.561.831.692
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		726.990.266.615	1.220.650.178.567
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		716.927.481.399	633.304.941.695
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		10.062.785.216	587.345.236.872
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	35	543.092.845.095	543.092.845.095
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.477.251.315.191	2.490.330.430.302
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		21.193.703.412	22.214.516.922
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		21.193.703.412	22.214.516.922
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		19.098.692.743.399	20.033.739.458.299

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	37	8.113.314.425.791	9.620.435.355.374
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	37	15.127.108.619	13.068.298.494
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	37	8.098.187.317.172	9.607.367.056.880
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	38	7.581.137.132.459	8.287.765.593.257
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		517.050.184.713	1.319.601.463.623
Doanh thu hoạt động tài chính	21	39	174.854.556.012	234.253.443.540
Chi phí tài chính	22	40	246.108.405.423	226.778.706.317
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>201.548.164.561</i>	<i>120.568.968.861</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24	10(b)	282.253.500.532	334.979.182.808
Chi phí bán hàng	25	41	222.393.854.686	302.191.643.580
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	42	370.599.723.834	374.153.557.657
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		135.056.257.314	985.710.182.417
Thu nhập khác	31	43	86.093.291.108	27.124.641.569
Chi phí khác	32	44	47.906.883.201	28.026.364.634
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		38.186.407.907	(901.723.065)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		173.242.665.221	984.808.459.352
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	46	30.660.429.977	90.688.652.056
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	46	25.220.739.218	(4.353.443.973)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		117.361.496.026	898.473.251.269

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		117.361.496.026	898.473.251.269
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		10.062.785.216	535.546.800.751
Cổ đông không kiểm soát	62		107.298.710.810	362.926.450.518
Lãi trên cổ phiếu				
		47		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		11	991
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		10	894

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng

Người duyệt: 
Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		173.242.665.221	984.808.459.352
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		406.320.099.957	414.109.050.610
Các khoản dự phòng	03		(217.820.559.692)	(36.042.553.224)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		10.880.898.863	67.393.255.809
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(380.940.433.484)	(482.868.776.554)
Chi phí lãi vay	06		201.548.164.561	120.568.968.861
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		193.230.835.426	1.067.968.404.854
Biến động các khoản phải thu	09		57.687.685.033	(120.000.562.223)
Biến động hàng tồn kho	10		972.848.869.921	(562.375.895.348)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(150.523.997.948)	(114.266.607.530)
Biến động chi phí trả trước	12		10.016.310.330	(1.224.696.552)
			1.083.259.702.762	270.100.643.201
Tiền lãi vay đã trả	14		(212.628.106.381)	(116.643.108.439)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(51.791.052.733)	(92.578.483.232)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(48.139.976.920)	(71.129.859.387)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		770.700.566.728	(10.250.807.857)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(285.864.018.940)	(167.318.630.074)	
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	43.421.319.806	13.660.500.748	
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn và bán trái phiếu	23	(1.479.735.863.173)	(1.179.757.841.291)	
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn và bán trái phiếu	24	1.255.760.908.115	803.806.545.850	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	79.912.696.000	
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27	462.200.055.222	318.095.882.554	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.217.598.970)	(131.600.846.213)	

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	31		3.969.720.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		5.696.406.893.507	7.491.699.861.277
Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.379.751.472.224)	(7.038.362.899.792)
Tiền trả cổ tức	36		(152.741.441.459)	(378.836.691.990)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(832.116.300.176)	74.500.269.495
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(65.633.332.418)	(67.351.384.575)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		615.868.535.508	636.969.466.530
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		2.476.584.859	31.591.058
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9	552.711.787.949	569.649.673.013

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
 - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 32 công ty liên kết (1/1/2023: 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 32 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13	Xem Phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13	Xem Phụ lục 2
Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	7	Xem Phụ lục 3
	<hr/>	
	33	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	32	Xem Phụ lục 4
	<hr/>	
	65	
	<hr/>	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn có 27.427 nhân viên (1/1/2023: 28.418 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc ghi nhận theo giá gốc nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Lợi thế thương mại phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

HỢP NHẤT
T. P.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của công ty mẹ Tập đoàn phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
 - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
 - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(p)(viii)).

(iii) Đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(v) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn Dệt May Việt Nam có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 51 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 12 năm
▪ tài sản khác	2 – 12 năm

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất.

(ii) Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước

Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Phụ tùng thay thế

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(v) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(vi) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

DUY
CỔ
RÁCH
VAM T

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê lại đất thuê

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

(v) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác

Doanh thu cho thuê tài sản khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(d)(ii)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm năng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có khoản mục bất thường nào có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên khác. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.826.089.868.172	46.678.163.749	225.419.285.251	-	8.098.187.317.172
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	683.972.014.670	18.674.979.156	7.681.650.614	(710.328.644.440)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	8.510.061.882.842	65.353.142.905	233.100.935.865	(710.328.644.440)	8.098.187.317.172
Phần lãi trong công ty liên kết	277.568.454.691	3.679.266.973	1.005.778.868	-	282.253.500.532
Kết quả kinh doanh của bộ phận	155.551.996.166	1.556.775.031	25.975.781.473	(48.028.295.356)	135.056.257.314
Thu nhập khác	84.149.769.690	48.129.519	1.895.391.899	-	86.093.291.108
Chi phí khác	(43.453.653.909)	(2.543.132)	(4.794.480.559)	343.794.399	(47.906.883.201)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(26.912.640.641)	(373.709.133)	(3.374.080.203)	-	(30.660.429.977)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(10.196.593.075)	-	-	(15.024.146.143)	(25.220.739.218)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	159.138.878.231	1.228.652.285	19.702.612.610	(62.708.647.100)	117.361.496.026

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	9.302.074.225.138	58.548.881.820	246.743.949.922	-	9.607.367.056.880
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	782.104.749.022	16.147.299.903	15.202.938.506	(813.454.987.431)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	10.084.178.974.160	74.696.181.723	261.946.888.428	(813.454.987.431)	9.607.367.056.880
Phần lãi trong công ty liên kết	305.876.538.678	5.536.101.032	23.566.543.098	-	334.979.182.808
Kết quả kinh doanh của bộ phận	870.621.316.484	(2.012.254.536)	11.870.768.297	105.230.352.172	985.710.182.417
Thu nhập khác	62.839.858.381	17.191.524	847.462.881	(36.579.871.217)	27.124.641.569
Chi phí khác	(60.833.840.974)	(935.023)	(1.689.183.482)	34.497.594.845	(28.026.364.634)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(86.482.052.703)	(367.755.252)	(3.838.844.101)	-	(90.688.652.056)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	4.353.443.973	4.353.443.973
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN	786.145.281.188	(2.363.753.287)	7.190.203.595	107.501.519.773	898.473.251.269

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023					
Tài sản của bộ phận	20.199.389.567.763	114.398.992.453	1.326.958.817.411	(5.333.078.246.508)	16.307.669.131.119
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.463.265.799.338	912.560.000	307.875.000	1.326.537.377.942	2.791.023.612.280
Tổng tài sản của bộ phận	21.662.655.367.101	115.311.552.453	1.327.266.692.411	(4.006.540.868.566)	19.098.692.743.399
Tổng nợ phải trả của bộ phận	11.427.309.196.256	347.832.551.506	456.449.085.426	(2.164.793.773.831)	10.066.797.059.357
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023					
Chi tiêu vốn	283.062.141.342	-	2.801.877.598	-	285.864.018.940
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	365.096.677.249	708.849.493	18.280.497.025	(1.495.845.291)	382.590.178.476
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	10.844.322.444	-	-	-	10.844.322.444
Khấu hao tài sản cố định vô hình	1.946.084.732	-	37.857.144	-	1.983.941.876
Khấu hao bất động sản đầu tư	4.629.690.992	107.610.048	3.951.553.148	-	8.688.854.188

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022					
Tài sản của bộ phận	21.288.615.221.613	119.577.173.348	1.352.589.943.176	(5.514.178.134.152)	17.246.604.203.985
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.463.170.597.619	912.560.000	307.875.000	1.322.744.221.695	2.787.135.254.314
Tổng tài sản của bộ phận	22.751.785.819.232	120.489.733.348	1.352.897.818.176	-4.191.433.912.457	20.033.739.458.299
Tổng nợ phải trả của bộ phận	12.031.879.005.061	352.140.219.783	478.173.729.586	(2.258.516.367.360)	10.603.676.587.070
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022					
Chi tiêu vốn	214.814.212.860	-	13.407.234.710	(60.902.817.496)	167.318.630.074
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	365.336.688.547	672.228.233	21.611.121.302	(113.644.009)	387.506.394.073
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	9.841.128.605	-	-	-	9.841.128.605
Khấu hao tài sản cố định vô hình	2.108.020.968	-	37.857.144	-	2.145.878.112
Khấu hao bất động sản đầu tư	3.466.531.816	97.388.454	4.876.861.462	-	8.440.781.732

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023			
Tổng doanh thu của bộ phận	2.063.056.534.140	6.035.130.783.032	8.098.187.317.172
Kết quả kinh doanh của bộ phận	303.473.212.596	213.576.972.117	517.050.184.713
Thu nhập không phân bổ			457.108.056.544
Chi phí không phân bổ			(839.101.983.943)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			135.056.257.314
Thu nhập khác			86.093.291.108
Chi phí khác			(47.906.883.201)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(55.881.169.195)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			117.361.496.026

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022			
Tổng doanh thu của bộ phận	4.018.468.738.184	5.588.898.318.696	9.607.367.056.880
Kết quả kinh doanh của bộ phận	572.783.020.484	746.818.443.139	1.319.601.463.623
Thu nhập không phân bổ			569.232.626.348
Chi phí không phân bổ			(903.123.907.554)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			985.710.182.417
Thu nhập khác			27.124.641.569
Chi phí khác			(28.026.364.634)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(86.335.208.083)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			898.473.251.269

01/06/2023
 CỘT
 CHỈ
 K
 TỪ

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 30/6/2023			
Tài sản của bộ phận	743.791.603.147	828.027.689.362	1.571.819.292.509
Tài sản không phân bổ			17.526.873.450.890
			<hr/>
Tổng tài sản			19.098.692.743.399
			<hr/>
Nợ phải trả của bộ phận	41.553.856.348	77.213.393.395	118.767.249.743
Các khoản nợ không phân bổ			9.948.029.809.614
			<hr/>
Tổng nợ phải trả			10.066.797.059.357
			<hr/>
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1/1/2023			
Tài sản của bộ phận	855.929.616.886	840.555.312.820	1.696.484.929.706
Tài sản không phân bổ			18.337.254.528.593
			<hr/>
Tổng tài sản			20.033.739.458.299
			<hr/>
Nợ phải trả của bộ phận	30.815.224.429	59.963.194.540	90.778.418.969
Các khoản nợ không phân bổ			10.512.898.168.101
			<hr/>
Tổng nợ phải trả			10.603.676.587.070
			<hr/>

2-C.T.
TY
HỮU HI
IG
M - T.P

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	19.170.715.432	11.907.863.934
Tiền gửi ngân hàng	318.257.147.342	408.612.845.610
Các khoản tương đương tiền	215.283.925.175	195.347.825.964
	<hr/>	<hr/>
	552.711.787.949	615.868.535.508

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 7.562 triệu VND (1/1/2023: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 28(a)).

Trong tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 43.255 triệu VND (1/1/2023: 43.255 triệu VND) đang bị phong tỏa do liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đối với khoản nợ ngân hàng của một đơn vị thành viên của Tập đoàn.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.432.733.527.902	2.454.554.107.418	2.197.210.910.928	2.217.772.393.899
▪ Trái phiếu (ii)	15.644.456.392	(*)	17.464.445.418	(*)
	<u>2.448.377.984.294</u>		<u>2.214.675.356.346</u>	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu (iii)	4.400.000.000	(*)	4.400.000.000	(*)

(i) Các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 4,1% đến 11,2% (1/1/2023: từ 3,9% đến 11,2%).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn bao gồm giá trị gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 1 tháng 1 năm 2023 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 1 tháng 1 năm 2023.

(ii) Các khoản trái phiếu do doanh nghiệp phát hành bằng VND, hưởng lãi suất năm từ 9% đến 10,638% (1/1/2023: từ 9% đến 10,638%) với thời gian đáo hạn từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 6 năm 2024, trong đó bao gồm 8 tỷ VND đã quá hạn thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023. Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng động sản, bất động sản, cổ phần thuộc sở hữu của doanh nghiệp phát hành trái phiếu. Tại ngày báo cáo, một số tài sản đảm bảo đang được xử lý theo yêu cầu của người sở hữu trái phiếu cho mục đích thu hồi gốc và lãi của các trái phiếu này.

(iii) Các khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành bằng VND, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào các năm 2028 và 2029 và hưởng lãi suất năm từ 5,7% đến 6,35% (1/1/2023: từ 6,8% đến 7,2%).

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn có tổng giá trị ghi sổ là 229.550 triệu VND (1/1/2023: 279.341 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2023				1/1/2023			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết								
▪ Tổng Công ty May 10 - CTCP	33,82%	33,82%	109.857.505.036	(*)	33,82%	33,82%	102.799.518.161	(*)
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	454.065.566.510	(*)	30,40%	30,40%	441.859.777.428	(*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	93.276.564.072	(*)	46,93%	46,93%	93.266.241.853	(*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	26,37%	26,37%	107.642.801.083	(*)	26,37%	26,37%	102.396.916.313	(*)
▪ Tổng Công ty Đức Giang - CTCP	35,22%	35,22%	45.841.457.592	(*)	35,22%	35,22%	45.939.661.786	(*)
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP	35,01%	35,01%	119.078.812.287	(*)	35,01%	35,01%	117.158.056.719	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	84.872.785.485	(*)	30,00%	30,00%	84.795.901.963	(*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	977.473.524.186	(*)	17,86%	17,86%	1.017.097.499.417	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	126.111.588.793	(*)	22,05%	22,05%	117.043.582.088	(*)
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			672.803.007.236	(*)			664.778.098.586	(*)
			<u>2.791.023.612.280</u>				<u>2.787.135.254.314</u>	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2023					1/1/2023				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác										
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>										
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	0,002%	0,002%	1.348.555.000	-	1.783.704.500	0,002%	0,002%	1.348.555.000	-	2.219.260.250
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>										
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	1,97%	1,97%	19.450.204.510	(13.180.048.532)	(*)	1,97%	1,97%	19.450.204.510	(13.180.048.532)	(*)
▪ Các khoản đầu tư khác			158.778.764.722	(21.968.526.836)	(*)			158.778.764.722	(24.982.335.526)	(*)
			<u>179.577.524.232</u>	<u>(35.148.575.368)</u>				<u>179.577.524.232</u>	<u>(38.162.384.058)</u>	

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.787.135.254.314	2.529.982.280.303
Phản lãi trong các công ty liên kết	282.253.500.532	334.979.182.808
Cổ tức nhận được	(278.365.142.566)	(99.100.832.425)
Thanh lý các công ty liên kết	-	(11.486.956.913)
Số dư cuối kỳ	2.791.023.612.280	2.754.373.673.773

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan	261.262.479.066	267.779.152.954
Phải thu các khách hàng khác	1.641.488.086.206	1.754.094.887.701
Tổng	1.902.750.565.272	2.021.874.040.655

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản phải thu khách hàng có giá trị số 116.109 triệu VND (1/1/2023: 130.583 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).

Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	154.494.172.741	151.101.014.465
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định	82.882.478.131	92.788.584.198
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	13.430.807.340	13.430.807.340
Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	9.200.494.687	9.474.352.228
Các công ty liên quan khác	1.254.526.167	984.394.723
Tổng	261.262.479.066	267.779.152.954

Khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 ngày đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu về cho vay

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Phú Ninh	5.857.150.000	7.028.580.000
Bên khác		
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	36.864.670.808	47.426.813.698
Các công ty khác	5.342.860.000	3.336.960.000
	<hr/> 48.064.680.808	<hr/> 57.792.353.698
Phần phải thu trong vòng 12 tháng	(27.133.180.425)	(23.751.260.000)
	<hr/> 20.931.500.383	<hr/> 34.041.093.698

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm 10% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022: 6%).

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên khác không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 5,2% đến 10,6% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022: 4,5% đến 9,5%).



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	144.009.982.112	240.120.334.512
Ký cược, ký quỹ	57.480.348.656	66.909.968.424
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh (i)	43.532.895.759	43.532.895.759
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	23.027.975.379	22.379.355.965
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	21.820.579.516	20.561.482.971
Phải thu các khoản tạm ứng	15.822.045.911	12.139.664.924
Phải thu lãi cho vay	4.213.967.201	10.964.248.853
Phải thu người lao động	3.564.327.403	2.346.647.403
Tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn	2.422.239.020	6.858.111.036
Các khoản chi hộ	2.413.283.531	5.618.065.488
Phải thu về nhận bồi thường bảo hiểm	-	31.395.435.544
Phải thu về tạm ứng cho Công ty Cổ phần Dệt May		
Liên Phương	-	22.001.000.000
Phải thu khác	15.574.435.007	12.927.436.062
	333.882.079.495	497.754.646.941

- (i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	15.691.686.000	20.491.686.000
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	10.080.000.000	7.560.000.000
Tổng Công ty Đức Giang - CTCP	7.923.055.000	7.923.055.000
Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	1.762.269.667	1.827.460.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	33.514.800.000
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	-	24.637.500.000
Công ty CP Dệt May Liên Phương	-	22.001.000.000
Tổng Công ty May 10 - CTCP	-	18.409.316.400
Công ty CP May Hữu Nghị	-	10.430.088.000
Công ty CP Dệt May Nha Trang	-	1.554.371.735
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	-	1.237.808.217
Các công ty liên quan khác	10.073.690.124	18.127.347.111
	<hr/>	<hr/>
	45.530.700.791	167.714.432.463
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	102.909.924.796	102.909.924.796
Phải thu về tạm ứng cho Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	22.001.000.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	19.830.572.183	22.655.687.360
Phải thu dài hạn khác	29.874.101.832	29.564.027.785
	<hr/>	<hr/>
	174.615.598.811	155.129.639.941
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2023			Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	1/1/2023		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND				Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn									
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	33.693.572.750	(33.693.572.750)	-	Trên 3 năm	33.793.572.750	(33.793.572.750)	-	
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.291.792.764	(40.291.792.764)	-	Trên 3 năm	40.296.792.764	(40.296.792.764)	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	Trên 3 năm	29.921.566.760	(29.921.566.760)	-	Trên 3 năm	29.921.566.760	(29.921.566.760)	-	
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	Trên 3 năm	102.909.924.796	(102.909.924.796)	-	Trên 3 năm	102.909.924.796	(102.909.924.796)	-	
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV		43.532.895.759	(16.291.758.178)	27.241.137.581		43.532.895.759	(10.032.895.759)	33.500.000.000	
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	198.195.619.361	(198.195.619.361)	-	Trên 3 năm	151.733.609.092	(151.733.609.092)	-	
Các khách hàng khác	Từ 2 đến 3 năm	19.768.350.630	(15.736.962.950)	4.031.387.680	Từ 2 đến 3 năm	82.729.534.034	(62.810.673.824)	19.918.860.210	
		<u>468.313.722.820</u>	<u>(437.041.197.559)</u>	<u>31.272.525.261</u>		<u>484.917.895.955</u>	<u>(431.499.035.745)</u>	<u>53.418.860.210</u>	
Trong đó:									
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(330.931.272.763)				(325.389.110.949)		
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(106.109.924.796)				(106.109.924.796)		



Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Hàng tồn kho**

	30/6/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	460.617.790.468	(6.511.190.105)
Nguyên vật liệu	988.046.109.093	(34.867.618.815)
Công cụ và dụng cụ	10.898.578.604	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	865.663.651.798	(1.226.788.098)
Thành phẩm	1.020.606.724.835	(92.298.335.397)
Hàng hóa	51.679.215.080	(1.331.568.181)
Hàng gửi đi bán	101.549.156.971	(2.129.422.397)
	3.499.061.226.849	(138.364.922.993)
	1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	259.795.509.905	(8.806.917.437)
Nguyên vật liệu	1.423.135.449.240	(124.718.587.709)
Công cụ và dụng cụ	6.389.651.102	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	1.078.084.196.822	(7.733.835.610)
Thành phẩm	1.391.911.659.755	(191.127.112.267)
Hàng hóa	55.407.055.910	(1.661.714.216)
Hàng gửi đi bán	257.186.574.036	-
	4.471.910.096.770	(334.048.167.239)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.460.745 triệu VND (1/1/2023: 1.737.145 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 698.771 triệu VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2023: 1.751.898 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

- (*) Trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có 76.285 triệu VND là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến Dự án Phát triển Khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 30).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	4.012.713.858.206	9.342.335.517.256	376.068.097.594	120.861.961.751	195.169.862.320	14.047.149.297.127
Tăng trong kỳ	3.179.392.857	19.793.643.827	2.408.446.679	2.032.919.869	1.429.446.727	28.843.849.959
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	8.144.298.121	86.770.358.612	5.133.164.362	224.935.620	12.144.269.313	112.417.026.028
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	64.484.537.835	-	-	-	64.484.537.835
Thanh lý	(25.534.611.276)	(186.329.214.930)	(5.149.783.711)	(2.523.888.604)	(22.268.255.880)	(241.805.754.401)
Phân loại lại	(2.023.335.382)	1.422.645.063	977.441.450	(771.532.131)	394.781.000	-
Tăng khác	2.611.519.043	-	-	-	-	2.611.519.043
Số dư cuối kỳ	3.999.091.121.569	9.328.477.487.663	379.437.366.374	119.824.396.505	186.870.103.480	14.013.700.475.591

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.671.715.339.491	5.891.659.070.030	251.507.870.449	84.654.759.480	167.422.531.432	8.066.959.570.882
Khấu hao trong kỳ	85.180.626.894	269.700.252.950	13.099.970.307	4.374.701.850	10.234.626.475	382.590.178.476
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	41.230.555.657	-	-	-	41.230.555.657
Thanh lý	(25.534.611.276)	(175.042.547.459)	(5.099.644.848)	(2.523.888.604)	(22.268.255.880)	(230.468.948.067)
Phân loại lại	(1.946.536.375)	1.251.658.082	392.277.645	(92.180.352)	394.781.000	-
Tăng khác	760.302.723	-	-	-	-	760.302.723
Số dư cuối kỳ	1.730.175.121.457	6.028.798.989.260	259.900.473.553	86.413.392.374	155.783.683.027	8.261.071.659.671
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	2.340.998.518.715	3.450.676.447.226	124.560.227.145	36.207.202.271	27.747.330.888	5.980.189.726.245
Số dư cuối kỳ	2.268.916.000.112	3.299.678.498.403	119.536.892.821	33.411.004.131	31.086.420.453	5.752.628.815.920

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 2.214.521 triệu VND (1/1/2023: 2.114.078 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 3.506.338 triệu VND (1/1/2023: 3.905.856 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	259.886.672.342	-	259.886.672.342
Tăng trong kỳ	49.441.317.097	1.226.445.455	50.667.762.552
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	7.958.096.261	-	7.958.096.261
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(64.484.537.835)	-	(64.484.537.835)
Số dư cuối kỳ	252.801.547.865	1.226.445.455	254.027.993.320
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	81.085.390.448	-	81.085.390.448
Khấu hao trong kỳ	10.818.771.498	25.550.946	10.844.322.444
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(41.230.555.657)	-	(41.230.555.657)
Số dư cuối kỳ	50.673.606.289	25.550.946	50.699.157.235
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	178.801.281.894	-	178.801.281.894
Số dư cuối kỳ	202.127.941.576	1.200.894.509	203.328.836.085



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	123.453.958.005	31.026.981.457	1.101.661.600	155.582.601.062
Tăng trong kỳ	-	36.000.000	-	36.000.000
Chuyển từ bất động sản đầu tư	1.049.642.047	-	-	1.049.642.047
Xóa sổ	-	(7.750.452.364)	-	(7.750.452.364)
Phân loại lại	-	(657.074.114)	657.074.114	-
Số dư cuối kỳ	124.503.600.052	22.655.454.979	1.758.735.714	148.917.790.745
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	33.159.271.794	25.750.078.861	1.101.661.600	60.011.012.255
Khấu hao trong kỳ	1.203.042.764	748.045.404	32.853.708	1.983.941.876
Chuyển từ bất động sản đầu tư	41.068.644	-	-	41.068.644
Xóa sổ	-	(7.750.452.364)	-	(7.750.452.364)
Phân loại lại	-	(262.829.664)	262.829.664	-
Số dư cuối kỳ	34.403.383.202	18.484.842.237	1.397.344.972	54.285.570.411
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	90.294.686.211	5.276.902.596	-	95.571.588.807
Số dư cuối kỳ	90.100.216.850	4.170.612.742	361.390.742	94.632.220.334

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản cố nguyên giá 12.205 triệu VND (1/1/2023: 12.205 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 34.366 triệu VND (1/1/2023: 33.659 triệu VND) đã được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**19. Bất động sản đầu tư***Bất động sản đầu tư cho thuê*

	Hạ tầng khu công nghiệp VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	211.082.890.880	285.437.345.519	3.534.108.896	500.054.345.295
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	-	(1.049.642.047)	(1.049.642.047)
Số dư cuối kỳ	211.082.890.880	285.437.345.519	2.484.466.849	499.004.703.248
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	30.469.588.731	85.693.353.360	1.159.956.055	117.322.898.146
Khấu hao trong kỳ	2.945.456.474	5.540.370.268	203.027.446	8.688.854.188
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	-	(41.068.644)	(41.068.644)
Số dư cuối kỳ	33.415.045.205	91.233.723.628	1.321.914.857	125.970.683.690
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	180.613.302.149	199.743.992.159	2.374.152.841	382.731.447.149
Số dư cuối kỳ	177.667.845.675	194.203.621.891	1.162.551.992	373.034.019.558

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex là hệ thống cơ sở hạ tầng và nhà máy May Tuyên Quang tại Xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, hệ thống cơ sở hạ tầng;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương là quyền sử dụng đất và một phần các công trình gắn với hạ tầng khu công nghiệp bao gồm nhà xưởng và một số máy móc thiết bị của Nhà máy Dệt Đông Phương tại Khu công nghiệp Xuyên Á, Đường Số 3, Ấp Tràm Lạc, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 là hệ thống nhà xưởng tại Khu công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do chưa có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, bất động sản đầu tư có giá trị còn lại là 16.881 triệu VND (1/1/2023: 18.541 triệu VND) đã được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).



Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 1 tháng 1 năm 2023 chủ yếu bao gồm các chi phí cho Dự án xây dựng “Khu thương mại, dịch vụ, nhà ở xã hội, văn phòng cho thuê và kho bãi logistics” của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn.

21. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	400.637.799.806	209.706.048.578
Tăng trong kỳ	204.399.393.897	145.125.082.833
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(112.417.026.028)	(69.427.519.538)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(7.958.096.261)	-
Chuyển sang tài sản chi phí trả trước dài hạn	(10.607.606.212)	(3.500.176.983)
Chuyển sang tài sản chi phí trả trước ngắn hạn	(71.450.034)	-
Thanh lý	(10.116.439.650)	-
Xóa sổ	(1.086.476.793)	(509.751.737)
Số dư cuối kỳ	462.780.098.725	281.393.683.153



Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ		
• Nhà máy Sợi Nam Định	23.073.862.364	23.073.862.364
• Dự án Khu liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.516.620.734	5.236.283.563
• Dự án 39-41 Võ Văn Kiệt	201.368.592.063	169.046.480.676
• Trung tâm Nguyên phụ liệu Dệt may Da giấy	1.789.598.772	1.789.598.772
• Xây lại kho nguyên liệu và thành phẩm – Nhà máy Sợi Phú Cường	12.387.453.797	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
• Dự án Nhà máy May	19.953.787.819	19.805.370.739
• Văn phòng Ngô Thì Nhậm	41.438.667.444	41.438.667.444
• Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	283.000.000	7.575.174.166
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
• Máy móc thiết bị chưa lắp đặt	-	13.367.742.196
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	12.840.234.566	12.840.234.566
• Dự án Nhà máy May Yên Bình	5.013.367.135	5.013.367.135
• Dự án xây dựng, cải tạo nhà máy May 2	3.781.417.088	3.746.417.088
• Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	13.312.531.298	14.245.941.965
▪ Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Dệt May Phố Nối		
• Dự án Nhà ở cho công nhân	1.017.594.545	1.017.594.545
• Dự án nhà máy xử lý nước thải số 2	6.712.539.550	5.387.602.896
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
• Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	15.789.102.465	37.425.341.186
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
• Dự án chợ mới Thành phố Vũng Tàu	1.407.780.001	1.407.780.001
• Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	36.631.586.080	1.423.457.000
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
• Dự án Nhà máy Sợi 2	1.725.573.458	-
• Dự án hệ thống điện năng lượng mặt trời	-	10.477.462.964
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
• Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	-	4.518.356.479
▪ Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú		
• Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	53.737.102.021	18.397.371.220
▪ Các công trình khác	4.999.687.525	3.403.692.841
	462.780.098.725	400.637.799.806

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 17.326 triệu VND (1/1/2023: 17.326 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trả trước phí bảo hiểm	3.615.723.019	6.557.895.264
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.561.319.882	1.204.800.279
Công cụ, dụng cụ	13.669.095.478	11.032.093.818
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	12.645.616.544	9.176.499.620
	31.491.754.923	27.971.288.981

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	183.302.896.638	16.747.500.000	56.208.611.190	621.582.124	31.311.571.503	33.280.721.454	321.472.882.909
Tăng trong kỳ	49.966.686	-	10.834.738.163	-	8.331.340.301	8.353.032.024	27.569.077.174
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	9.912.029.385	-	695.576.827	-	10.607.606.212
Phân bổ trong kỳ	(3.233.616.483)	(2.610.000.000)	(21.678.815.951)	(123.010.453)	(8.212.142.924)	(8.431.917.432)	(44.289.503.243)
Thanh lý	(4.428.039.226)	-	-	-	-	-	(4.428.039.226)
Số dư cuối kỳ	175.691.207.615	14.137.500.000	55.276.562.787	498.571.671	32.126.345.707	33.201.836.046	310.932.023.826

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	9.907.061.816	10.206.230.875
Các khoản mục khác	20%	10.838.746.941	11.472.531.173
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		20.745.808.757	21.678.762.048
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	97.695.604.549	73.407.818.622

24. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	157.833.934.123	245.385.257.902
Phải trả người bán khác	1.007.854.444.726	959.585.253.948
	1.165.688.378.849	1.204.970.511.850

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	81.563.808.724	59.155.254.606
Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	36.837.775.488	42.455.986.883
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	18.801.402.293	20.639.993.960
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	10.335.408.098	95.163.545.046
Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam	9.107.494.155	18.462.790.590
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	261.123.909	606.966.052
Tổng Công ty May 10 – CTCP	166.237.720	2.804.724.500
Các công ty liên quan khác	760.683.736	6.095.996.265
	<hr/>	<hr/>
	157.833.934.123	245.385.257.902

Khoản phải trả các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

31/2
CƠ
SÁCH T
K
AM T

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**25. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.969.167.374	3.537.822.623	-	11.506.989.997
Thuế xuất nhập khẩu	492.650.205	47.291.944	(42.840.301)	497.101.848
Các loại thuế khác	972.845.229	218.894.361	(357.140.292)	834.599.298
Các khoản khác	86.734.219	-	-	86.734.219
	9.521.397.027	3.804.008.928	(399.980.593)	12.925.425.362

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	21.985.800.156	237.542.194.769	-	(100.965.186.776)	(104.763.567.332)	53.799.240.817
Thuế xuất nhập khẩu	56.980.038	-	4.871.503.883	(4.927.292.448)	-	1.191.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.410.720.495	-	30.660.429.977	(48.253.230.110)	-	29.817.920.362
Thuế thu nhập cá nhân	5.096.093.938	-	27.207.719.732	(27.257.748.322)	-	5.046.065.348
Thuế tài nguyên	213.524.722	-	1.075.351.591	(1.104.439.915)	-	184.436.398
Tiền thuê, thuế đất	76.820.287.732	-	65.028.827.487	(16.608.312.415)	-	125.240.802.804
Các loại thuế khác	1.023.016	-	1.754.947.586	(1.598.611.882)	-	157.358.720
	151.584.430.097	237.542.194.769	130.598.780.256	(200.714.821.868)	(104.763.567.332)	214.247.015.922

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí phải trả**(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay	60.152.551.344	70.458.435.911
Chi phí gia công thuê ngoài	529.568.278	449.735.445
Phí hoa hồng	5.476.204.348	8.726.592.207
Chi phí hoạt động	3.550.214.368	3.758.502.142
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	1.006.910.994	1.461.130.180
Chi phí điện nước	3.159.475.736	3.199.196.992
Chi phí lương thưởng	2.591.937.623	3.184.165.214
Chi phí phải trả khác	20.443.727.941	18.013.115.095
	<hr/> 96.910.590.632	<hr/> 109.250.873.186

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	10.226.684.160	10.691.533.440
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(464.849.280)	(464.849.280)
	<hr/> 9.761.834.880	<hr/> 10.226.684.160

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với phần diện tích được sử dụng bởi Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Tài Nguyên trong thời hạn của hợp đồng cho thuê đến năm 2046.

27. Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Doanh thu nhận trước từ các hợp đồng cho thuê	331.417.848.171	333.262.333.629
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20.849.603.983	18.440.942.495
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	310.568.244.188	314.821.391.134

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	50.650.067.139	44.802.386.625
Nhận trước tiền bán trái phiếu	-	42.030.000.000
Phải trả cổ tức	325.464.999.417	36.765.008.176
Nhận góp vốn các dự án	19.500.000.000	19.500.000.000
Phải trả lãi vay khác	10.815.353.415	10.001.939.782
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 9)	7.562.091.012	7.562.091.012
Quỹ từ thiện	3.145.248.287	4.010.454.931
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	1.761.613.973	1.911.613.973
Phải trả lãi vay cho công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	-	1.587.470.886
Các khoản phải trả khác	34.198.060.655	30.411.788.557
	453.097.433.898	198.582.753.942

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	45.037.427.000	45.037.427.000
Nhận góp vốn đầu tư các dự án dài hạn	5.226.000.000	5.226.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	712.500.000	1.712.500.000
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	4.700.000.000	4.700.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	15.616.489.519	14.526.516.574
	71.292.416.519	71.202.443.574

(*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại Số 67 Phố Ngô Thì Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**29. Vay và nợ thuê tài chính****(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2023		Biến động trong kỳ		30/6/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.737.688.887.084	5.696.406.893.507	(6.101.715.386.634)	14.685.070.916	3.347.065.464.873
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 29(b))	494.998.143.250	181.841.103.684	(262.506.321.887)	38.423.882	414.371.348.929
	4.232.687.030.334	5.878.247.997.191	(6.364.221.708.521)	14.723.494.798	3.761.436.813.802

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, trong khoản vay ngắn hạn có 1.619.723 triệu VND (1/1/2023: 2.303.190 triệu VND) là các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 tổng cộng là 2.390.523 triệu VND (1/1/2023: 2.730.017 triệu VND) (các Thuyết minh 10, 11, 15, 16, 18 và 19). Trong kỳ, các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 3,0% đến 7,8% đối với các khoản vay bằng USD và từ 6,2% đến 12% đối với các khoản vay bằng VND (1/1/2023: 1,7% đến 6,1% đối với các khoản vay bằng USD và từ 5,8% đến 12,4% đối với các khoản vay bằng VND).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng và vay cá nhân. Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 3,1% đến 8,5% đối với các khoản vay bằng USD và từ 2,4% đến 12,2% đối với các khoản vay bằng VND (1/1/2023: từ 2,2% đến 8,5% đối với các khoản vay bằng USD và từ 2,4% đến 11,5% đối với các khoản vay bằng VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	3.148.339.828.556	3.417.800.677.869
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	148.903.814.241	103.199.444.233
	3.297.243.642.797	3.521.000.122.102
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 29(a))	(414.371.348.929)	(494.998.143.250)
	2.882.872.293.868	3.026.001.978.852

(i) Vay dài hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, khoản vay dài hạn bao gồm:

- 1.453.788 triệu VND (1/1/2023: 1.845.854 triệu VND) là khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 2.800.733 triệu VND (1/1/2023: 3.193.543 triệu VND) (các Thuyết minh 10, 16 và 21). Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 3% đến 9,4% đối với khoản vay bằng USD và từ 3,5% đến 12,5% đối với khoản vay bằng VND (1/1/2023: từ 2% đến 9% đối với khoản vay bằng USD và từ 2,6% đến 12,5% đối với khoản vay bằng VND).
- khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ 1.549.043 triệu VND (1/1/2023: 1.566.298 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Libor 6 tháng (trước 1 tháng 6 năm 2022) hoặc Sofr 6 tháng (từ 1 tháng 6 năm 2022) bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (-) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%.

Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 80.059 triệu VND (1/1/2023: 89.119 triệu VND);
 - một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú; và
 - các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2023: 110.000 triệu VND) (Thuyết minh 10(a)).
- Các khoản vay từ cá nhân và ngân hàng dưới dạng tín chấp và chịu lãi suất năm từ 2,6% đến 13,1% (1/1/2023: từ 2,6% đến 11,9%).

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2023		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	27.828.039.729	2.657.705.426	25.170.334.303
Trong vòng hai đến năm năm	88.144.757.668	2.345.814.812	85.798.942.856
Sau năm năm	39.530.056.196	1.595.519.114	37.934.537.082
	155.502.853.593	6.599.039.352	148.903.814.241

	1/1/2023		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	34.832.544.284	3.326.667.737	31.505.876.547
Trong vòng hai đến năm năm	64.192.923.239	1.708.379.649	62.484.543.590
Sau năm năm	9.596.353.825	387.329.729	9.209.024.096
	108.621.821.348	5.422.377.115	103.199.444.233

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Dự phòng phải trả**

Biến động của các khoản dự phòng phải trả trong kỳ như sau:

	Dự phòng chi phí di dời (* VND	Dự phòng bồi thường tổn thất (** VND	Khác (*** VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	24.665.668.570	62.473.188.366	41.455.433.523	128.594.290.459
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(24.665.668.570)	-	-	(24.665.668.570)
Số dư cuối kỳ	-	62.473.188.366	41.455.433.523	103.928.621.889
<i>Trong đó:</i>				
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	62.473.188.366	41.455.433.523	103.928.621.889

(*) Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới. Trong kỳ, khoản dự phòng này đã được hoàn nhập do Ban lãnh đạo Tập đoàn quyết định không tiếp tục thực hiện dự án.

(**) Đây là khoản dự phòng mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú ghi nhận liên quan đến Dự án Khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mà Tổng Công ty Phong Phú đã nhận chuyển nhượng từ một đối tác từ năm 2017. Tuy nhiên, vào ngày 22 tháng 6 năm 2019, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định hủy bỏ quyết định cho phép chuyển nhượng dự án do có sai phạm trong việc chuyển nhượng. Ngày 18 tháng 12 năm 2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm và đã ra phán quyết về vi phạm của bên đối tác trong việc chuyển nhượng dự án và xác định số thiệt hại mà bên đối tác phải chịu trách nhiệm bồi thường liên quan đến vụ việc này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vẫn đang chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc hủy bỏ chuyển nhượng dự án bao gồm các giao dịch của phần diện tích đất thuộc dự án đã được bán cho khách hàng và phần diện tích đất còn lại chưa bán và đang được ghi nhận trên chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Trong thời gian chờ hướng dẫn của các Cơ quan ban ngành, dựa vào phán quyết của Tòa án, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã trích lập 62.473 triệu VND là số tiền mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể sẽ phải trả liên quan đến phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho khách hàng do hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng Dự án Phước Long B. Đối với các chi phí đã phát sinh 76.285 triệu VND liên quan đến phần diện tích đất còn lại của dự án hiện đang được ghi nhận trên hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Thuyết minh 15), Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đánh giá rằng Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú sẽ thu hồi được khoản chi phí này từ bên đối tác khi các thủ tục pháp lý thu hồi Dự án Phước Long B và trả lại cho đối tác được hoàn tất.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm và đưa ra phán quyết giữ nguyên phán quyết của phiên tòa sơ thẩm về giá trị thiệt hại mà bên đối tác phải chịu trách nhiệm bồi thường liên quan đến vụ việc này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vẫn đang chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề liên quan. Đồng thời, dựa trên các thông tin sẵn có, Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đánh giá việc ghi nhận khoản dự phòng 62.473 triệu VND là phù hợp.

- (***) Dự phòng phải trả ngắn hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm dự phòng liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đối với khoản nợ ngân hàng của một đơn vị thành viên của Tập đoàn.

31. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	203.366.419.249	180.169.128.898
Trích lập trong kỳ	76.774.345.446	109.189.926.171
Sử dụng trong kỳ	(48.139.976.920)	(64.818.132.858)
Số dư cuối kỳ	232.000.787.775	224.540.922.211



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ động không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2022	5.000.000.000.000	30.361.932.352	45.483.535.973	(747.830.122.185)	627.549.624.948	1.420.086.729.206	543.092.845.095	2.290.000.223.077	9.208.744.768.466	24.256.143.942	9.233.000.912.408
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	535.546.800.751	-	362.926.450.518	898.473.251.269	-	898.473.251.269
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	93.809.895.517	(93.809.895.517)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(79.595.280.153)	-	(29.594.646.018)	(109.189.926.171)	-	(109.189.926.171)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(350.000.000.000)	-	(163.840.516.753)	(513.840.516.753)	-	(513.840.516.753)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.020.813.510)	(1.020.813.510)
Công ty con tăng vốn bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	80.813.797.000	-	-	(95.030.750.000)	-	14.216.953.000	-	-	-
Các biến động khác	-	-	-	-	-	(11.527.613.551)	-	2.301.799.933	(9.225.813.618)	-	(9.225.813.618)
Số dư tại ngày 30/6/2022	5.000.000.000.000	30.361.932.352	126.297.332.973	(747.830.122.185)	721.359.520.465	1.325.669.990.736	543.092.845.095	2.476.010.263.757	9.474.961.763.193	23.235.330.432	9.498.197.093.625
Số dư tại ngày 1/1/2023	5.000.000.000.000	30.361.932.352	141.681.258.484	(747.830.122.185)	729.561.831.692	1.220.650.178.567	543.092.845.095	2.490.330.430.302	9.407.848.354.307	22.214.516.922	9.430.062.871.229
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	10.062.785.216	-	107.298.710.810	117.361.496.026	-	117.361.496.026
Góp vốn	-	-	-	-	-	-	-	3.969.720.000	3.969.720.000	-	3.969.720.000
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	36.540.445.286	(36.540.445.286)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(47.088.345.649)	-	(29.685.999.797)	(76.774.345.446)	-	(76.774.345.446)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(300.000.000.000)	-	(141.441.432.700)	(441.441.432.700)	-	(441.441.432.700)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.020.813.510)	(1.020.813.510)
Công ty con tăng vốn bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	73.051.750.000	-	-	(119.824.150.000)	-	46.772.400.000	-	-	-
Các biến động khác	-	-	458.100	-	-	(269.756.233)	-	7.486.576	(261.811.557)	-	(261.811.557)
Số dư tại ngày 30/6/2023	5.000.000.000.000	30.361.932.352	214.733.466.584	(747.830.122.185)	766.102.276.978	726.990.266.615	543.092.845.095	2.477.251.315.191	9.010.701.980.630	21.193.703.412	9.031.895.684.042

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phản ánh theo giá gốc của khoản đầu tư thay vì giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	30/6/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành					
	Số cổ phiếu	30/6/2023 VND	%	Số cổ phiếu	1/1/2023 VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
ITOCHU Corporation	65.000.000	650.000.000.000	13,00%	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Các cổ đông khác	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%	500.000.000	5.000.000.000.000	100%



Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

35. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất		
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	235.664.195.016	235.664.195.016
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
	<hr/>	<hr/>
	543.092.845.095	543.092.845.095

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phân nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	65.847.152.008	76.799.609.310
Trong vòng hai đến năm năm	187.958.296.288	199.041.377.827
Sau năm năm	470.336.410.153	486.768.463.583
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	724.141.858.449	762.609.450.720

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	6.355.187	149.023.228.844	9.102.109	214.174.589.504
EUR	101.084	2.544.557.255	101.106	2.499.499.877
		<hr/> <hr/>		<hr/> <hr/>
		151.567.786.099		216.674.089.381

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác	Không có khả năng thu hồi		13.182.259.559	13.182.259.559
			<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
			23.596.431.002	23.596.431.002

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	256.500.000.000	43.100.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	190.634.723.825	257.319.855.234
	<hr/> 447.134.723.825	<hr/> 300.419.855.234

37. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	7.827.873.592.767	9.342.351.320.372
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	227.543.174.497	226.226.350.974
▪ Cho thuê bất động sản	57.897.658.527	51.857.684.028
	<hr/> 8.113.314.425.791	<hr/> 9.620.435.355.374
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(9.110.292.262)	(10.655.286.698)
▪ Giảm giá hàng bán	(2.929.519.539)	(1.770.197.437)
▪ Hàng bán bị trả lại	(3.087.296.818)	(642.814.359)
	<hr/> (15.127.108.619)	<hr/> (13.068.298.494)
Doanh thu thuần	<hr/> 8.098.187.317.172	<hr/> 9.607.367.056.880

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	7.601.396.012.631	8.051.445.232.515
▪ Hàng tồn kho bị tổn thất do hỏa hoạn	6.145.113.303	55.456.609.826
▪ Dịch vụ đã cung ứng	130.828.449.908	148.506.136.588
▪ Cho thuê bất động sản	38.450.800.863	45.700.033.807
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(195.683.244.246)	(13.342.419.479)
	7.581.137.132.459	8.287.765.593.257

39. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	67.810.944.934	77.622.695.045
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư khác	-	42.626.343.078
Cổ tức được chia	14.422.430.215	21.822.996.740
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	85.422.818.191	77.675.217.369
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.445.667.560	13.240.838.617
Thu nhập tiền lãi từ các khoản trả chậm	4.124.227.876	1.150.007.049
Doanh thu hoạt động tài chính khác	628.467.236	115.345.642
	174.854.556.012	234.253.443.540

40. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Chi phí lãi vay	201.548.164.561	120.568.968.861
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	33.805.294.808	34.292.179.232
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.326.566.423	80.634.094.426
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.013.808.690)	(8.975.928.847)
Chi phí tài chính khác	442.188.321	259.392.645
	246.108.405.423	226.778.706.317

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***41. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	26.316.500.454	23.190.702.064
Chi phí công cụ và dụng cụ	3.564.205.212	1.627.248.270
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.389.934.193	5.663.908.839
Chi phí vận chuyển	70.941.986.212	140.827.106.707
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	2.068.113.437	1.640.160.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.086.263.795	55.950.287.310
Chi phí bao bì	9.932.455.162	9.905.740.519
Chi phí hoa hồng	22.885.562.037	31.276.919.840
Chi phí xuất nhập khẩu	12.375.772.693	18.258.547.731
Chi phí bán hàng khác	8.833.061.491	13.851.021.696
	<hr/>	<hr/>
	222.393.854.686	302.191.643.580

42. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên văn phòng	170.783.994.875	187.852.692.300
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	5.629.991.809	7.480.531.156
Chi phí khấu hao và phân bổ	26.236.906.129	25.239.196.386
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	5.542.161.814	(24.383.181.033)
Thuế, phí và lệ phí	51.567.405.348	54.542.181.036
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.905.678.169	64.927.979.721
Tiền thuê đất	11.190.108.889	10.145.020.968
Công tác phí	442.513.174	1.856.883.384
Chi phí tiếp khách	6.237.952.773	5.291.530.590
Chi phí khác	34.063.010.854	41.200.723.149
	<hr/>	<hr/>
	370.599.723.834	374.153.557.657

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

43. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	27.239.501.624	13.660.500.748
Hoàn nhập dự phòng phải trả dài hạn	24.665.668.570	-
Thu từ thanh lý tài sản góp vốn dự án hợp tác đầu tư	16.181.818.182	-
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	5.618.816.271	2.172.660.753
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.236.866.590	199.658.147
Xóa sổ các khoản phải trả	1.587.470.886	-
Khoản hỗ trợ sản xuất từ người mua	-	3.063.309.524
Thu từ các khoản khác	5.563.148.985	8.028.512.397
	86.093.291.108	27.124.641.569

44. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định được thanh lý	22.539.722.777	7.333.190.128
Giá trị còn lại của tài sản góp vốn dự án hợp tác đầu tư đã thanh lý	4.428.039.226	-
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	4.161.836.939	11.465.500.000
Phạt vi phạm thuế	762.092.161	839.822.453
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	5.570.057.042	2.461.059.319
Chi các khoản khác	10.445.135.056	5.926.792.734
	47.906.883.201	28.026.364.634

45. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	4.502.228.113.009	4.940.328.698.123
Chi phí nhân viên	1.546.438.172.014	1.900.285.402.690
Chi phí khấu hao	406.320.099.957	414.109.050.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	935.514.971.752	1.590.518.600.443
Chi phí khác	236.818.396.871	494.296.252.648

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

46. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	29.893.956.373	90.379.270.177
Dự phòng thiếu trong những năm trước	766.473.604	309.381.879
	30.660.429.977	90.688.652.056
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	25.220.739.218	(4.353.443.973)
Chi phí thuế thu nhập	55.881.169.195	86.335.208.083

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	173.242.665.221	984.808.459.352
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	34.648.533.044	196.961.691.870
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(2.471.969.445)	(2.905.517.474)
Chi phí không được khấu trừ thuế	21.898.937.503	3.250.922.550
Thu nhập không bị tính thuế	(59.335.186.149)	(71.360.435.910)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(5.855.697.300)	(11.333.479.361)
Biến động chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	8.884.237.407	(28.587.355.471)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗi tính thuế của năm hiện hành	57.345.840.531	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	766.473.604	309.381.879
	55.881.169.195	86.335.208.083

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành áp dụng cho từng công ty.

47. Lãi trên cổ phiếu**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền. Chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ (VND)	10.062.785.216	535.546.800.751
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến (VND) (*)	(4.750.000.000)	(39.797.640.077)
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	5.312.785.216	495.749.160.674
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	11	991

(*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 dựa trên ước tính của Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm 2023.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	5.312.785.216	495.749.160.674
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Anh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tàng trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (số cổ phiếu) (Thuyết minh 35)	54.309.285	54.309.285
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm) (số cổ phiếu)	554.309.285	554.309.285
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (VND)	10	894

48. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Các công ty liên kết		
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Mua hàng hóa và dịch vụ	239.479.477.449	281.626.327.373
Bán hàng hóa	111.395.456.809	123.794.799.790
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.472.690.594	1.275.483.387
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.346.708.542	18.660.326
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	268.493.347	264.417.680
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	40.909.091

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng Công ty May 10 - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.652.613.968	386.331.343
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.675.030.834	205.037.589
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.916.861.205	1.720.701.527
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.110.388.714	327.331.437
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.895.503.435	16.045.966.185
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.565.026.819	66.179.954.605
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Thu hồi gốc cho vay	-	75.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	2.615.123.287
Tổng Công ty Đức Giang - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	204.230.480	-
Mua hàng hóa	2.247.325.301	748.917.790
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.087.156.990	798.696.448
Mua hàng hóa và dịch vụ	47.464.198.691	45.639.919.086
Cho vay	-	5.055.440.000
Nhận hoàn trả khoản vay	1.171.430.000	-
Thu nhập lãi cho vay	566.697.640	93.907.528
Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa	195.605.997	282.518.169
Mua hàng hóa	42.816.160.711	48.819.297.093
Công ty May V Dệt May Nam Định		
Nhận hoàn trả khoản vay	-	1.500.000.000
Thu nhập lãi vay	-	75.645.833
Bán hàng hóa	650.560.136	618.848.754
Công ty Cổ phần May 1 Dệt Nam Định		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	424.537.338	277.627.793
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.144.100	2.253.000

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	160.533.960.481	65.551.016.983
Mua hàng hóa và dịch vụ	118.354.638.803	44.488.123.745
Thu nhập lãi trả chậm	1.867.800.290	1.130.007.049
Thu nhập khác	250.172.720	-
Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10.146.745.439	19.335.766.453
Mua hàng hóa	9.764.370.491	30.346.873.574
Thu nhập lãi vay	4.527.399.646	4.430.933.248
Thu nhập khác từ hỗ trợ chuyển giao nhà máy	2.609.152.913	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Thu nhập từ hỗ trợ	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định		
Bán hàng hóa	329.479.374	-
Công ty Cổ phần May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	133.059.509	550.000
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Lê Tiến Trường – Chủ tịch	520.240.000	496.300.000
Ông Trần Quang Nghị – Phó Chủ tịch	86.080.000	86.080.000
Ông Đặng Vũ Hùng – Ủy viên	58.000.000	58.000.000
Ông Vũ Hồng Tuấn – Ủy viên	54.000.000	284.800.000
Ông Nguyễn Xuân Đông – Ủy viên	54.000.000	54.000.000
Cơ quan Tổng Giám đốc		
Ông Cao Hữu Hiếu – Tổng Giám đốc	475.240.000	454.600.000
Những người quản lý khác	1.891.525.553	2.039.754.000

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

49. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Tăng khoản vay tương ứng với tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	58.625.858.813	6.572.091.800

50. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Phụ lục I

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2023	1/1/2023	30/6/2023	1/1/2023	30/6/2023	1/1/2023
1	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
2	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	100%	100%	163.627.554.636	163.627.554.636	-	-
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	80,74%	80,74%	24.852.076.451	24.852.076.451	17.282.879.453	17.282.879.453
4	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (i)	63,77%	56,54%	122.656.621.350	73.657.321.350	7.495.524.000	3.461.864.000
5	Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	38.633.449.251	38.633.449.251	-	-
6	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ	61,87%	61,87%	189.153.465.950	189.153.465.950	-	-
7	Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	26.032.500.000	-	-
8	Công ty Cổ phần Dệt May Huế	60,86%	60,86%	172.033.729.000	172.033.729.000	-	-
9	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	81.555.023.813	-	-
10	Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	532.242.925.014	-	-
11	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	100%	100%	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-
12	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	100%	100%	191.301.358.205	191.301.358.205	-	-
13	Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	52%	52%	33.800.000.000	33.800.000.000	-	-

- (i) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài đã thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Do một số cổ đông không thực hiện quyền mua, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại công ty con này tăng từ 56,54% lên 63,77%.

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2023	1/1/2023	30/6/2023	1/1/2023	30/6/2023	1/1/2023	30/6/2023	1/1/2023
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ									
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	47,56%	47,56%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
2	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	33,52%	33,52%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	50,56%	50,56%	81,73%	81,73%	8.173.000.000	8.173.000.000	-	-
4	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	61,87%	61,87%	100%	100%	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
5	Công ty Cổ phần Hòa Thọ Thăng Bình	46,08%	46,08%	74,49%	74,49%	74.490.000.000	74.490.000.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định									
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.876.479.633	2.876.479.633	-	-
7	Công ty TNHH Một thành viên Chăn Len – Dệt may Nam Định	53,67%	53,67%	100%	100%	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
8	Công ty Cổ phần May IV Dệt Nam Định	28,69%	28,69%	53,46%	53,46%	4.009.500.000	4.009.500.000	-	-
9	Công ty Cổ phần Dệt Khăn Dệt May Nam Định	33,59%	33,59%	62,58%	62,58%	5.632.500.000	5.632.500.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú									
10	Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	45,09%	45,09%	90%	90%	220.050.000.000	220.050.000.000	-	-
Công ty con của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex									
11	Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	100%	100%	100%	100%	128.068.211.370	128.068.211.370	-	-
12	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%	118.026.000.000	118.026.000.000	-	-
13	Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	87,75%	87,75%	87,75%	87,75%	70.200.000.000	70.200.000.000	-	-

Phụ lục 3

Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2023	1/1/2023	30/6/2023	1/1/2023	30/6/2023	1/1/2023	30/6/2023	1/1/2023
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội									
1	Cty Cổ phần Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
2	Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.360.406	5.107.360.406	-	-
3	Công ty Cổ phần May Halotexco	30,88%	30,88%	53,64%	53,64%	5.632.500.000	5.107.360.406	-	-
4	Công ty Cổ phần May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,00%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
5	Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam – Hanosimex	57,57%	57,57%	100%	100%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
6	Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex	30,65%	30,65%	53,23%	53,23%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	-
7	Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex	77,19%	77,19%	51,32%	51,32%	19.500.000.000	19.500.000.000	13.274.943.881	13.274.943.881

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2023	1/1/2023	30/6/2023	1/1/2023
Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần	26,37%	26,37%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty Đức Giang – Công ty Cổ phần	35,21%	35,21%	31.692.220.000	31.692.220.000
3	Tổng Công ty May Hưng Yên – Công ty Cổ phần	35,01%	35,01%	47.434.460.000	47.434.460.000
4	Công ty Cổ phần May Bình Minh	25,00%	25,00%	13.230.000.000	13.230.000.000
5	Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	29,24%	29,24%	34.766.360.000	34.766.360.000
6	Công ty Cổ phần May Đồng Nai	25,70%	25,70%	28.108.080.000	28.108.080.000
7	Công ty Cổ phần Vinatex OJ	35,00%	35,00%	10.143.000.000	10.143.000.000
8	Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng (i)	28,58%	30,00%	9.000.000.000	9.000.000.000
9	Công ty Cổ phần May Đáp Cầu	24,04%	24,04%	16.407.300.000	16.407.300.000
10	Công ty Cổ phần May Nam Định	30%	30%	3.600.000.000	3.600.000.000
11	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44%	44%	3.564.000.000	3.564.000.000
12	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
13	Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	134.059.200.000	134.059.200.000
14	Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
15	Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần	33,82%	33,82%	102.273.980.000	102.273.980.000
16	Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30%	30%	85.443.720.435	85.443.720.435
17	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	30,60%	30,60%	95.877.720.000	95.877.720.000
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	42,40%	42,40%	37.275.000.000	37.275.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công Ty Cổ phần Dệt may Nam Định					
19	Công ty Cổ phần May 1 Dệt Nam Định	19,32%	19,32%	2.700.000.000	2.700.000.000
20	Công ty Cổ phần Đô thị Dệt May Nam Định	26,81%	26,81%	31.100.000.000	31.100.000.000
21	Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	19,32%	19,32%	1.980.000.000	1.980.000.000
22	Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định	24,67%	24,67%	13.791.000.000	13.791.000.000

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2023	1/1/2023	30/6/2023	1/1/2023
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội					
23	Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex	16,68%	16,68%	1.159.000.000	1.159.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ					
24	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	12,37%	12,37%	4.000.000.000	4.000.000.000
25	Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam	19,88%	19,88%	6.428.000.000	6.428.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú					
26	Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	80.347.424.000	80.347.424.000
27	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10,77%	10,77%	10.000.000.000	10.000.000.000
28	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	20,04%	20,04%	4.231.000.000	4.231.000.000
29	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon – Thủ Đức	22,05%	22,05%	144.586.200.608	144.586.200.608
30	Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	18,03%	18,03%	21.724.480.000	21.724.480.000
31	Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	15,20%	15,20%	56.143.750.000	56.143.750.000
32	Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	15,89%	15,89%	6.341.919.708	6.341.919.708

- (i) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng đã phát hành thêm vốn cổ phần cho các bên khác, do vậy, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong Công ty này giảm từ 30% xuống 28,58%.



Số: 431 /TĐDMVN-TCKT
V/v: Giải trình một số vấn đề trong
BCTC soát xét bán niên năm 2023

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (mã CK: VGT) xin giải trình một số vấn đề trong báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán KPMG (KPMG) như sau:

1. Về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2023:

1.1. Ý kiến ngoại trừ về phần lãi trong công ty liên kết

Công ty TNHH Coats Phong Phú (Coats Phong Phú) là công ty liên kết của Tổng công ty Cổ phần Phong Phú (công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam), trong đó Tổng công ty Cổ phần Phong Phú sở hữu 35% vốn điều lệ của Coats Phong Phú. Do đó, khi hợp nhất BCTC, Tập đoàn ghi nhận khoản đầu tư vào Coats Phong Phú theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 977 tỷ VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2023 (1/1/2023: 1.017 tỷ VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong LNST thu nhập doanh nghiệp cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 của Coats Phong Phú là 232 tỷ VND, đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày.

Do mức độ ảnh hưởng trọng yếu của Coats Phong Phú đến BCTC soát xét hợp nhất của Tập đoàn, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã đề nghị Tổng công ty Cổ phần Phong Phú và Coats Phong Phú cho phép KPMG tiếp cận các tài liệu liên quan đến công tác soát xét BCTC bán niên năm 2023 của Coats Phong Phú. Về việc này, Coats Phong Phú đã đồng ý cho KPMG được tiếp cận, trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú. Tuy nhiên, do Coats Phong Phú không thực hiện kiểm toán BCTC bán niên nên KPMG chỉ có thể được tiếp cận và trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú cho kỳ kiểm toán năm kết thúc ngày 31/12/2023.

Vì lý do nêu trên, đến ngày 29/8/2023 là thời điểm phát hành BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2023 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, KPMG vẫn chưa được tiếp cận và trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú. Do đó, KPMG đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các ảnh hưởng có thể có của Coats Phong Phú đến BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2023 của Tập đoàn.

1.2. Ý kiến ngoại trừ đối với khoản dự phòng tiền lương trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2022 trong BCTC soát xét bán niên năm 2023

Công ty CP Dệt May Huế (Dệt may Huế) là một công ty con của Tập đoàn Dệt may Việt Nam. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2022, công ty con này đã ghi nhận khoản dự phòng tiền lương để trả cho công nhân viên cho các kỳ sau với số tiền 115,3 tỷ đồng. Về bản chất, Dệt may Huế đang trích trước phần lương phải trả cho công nhân viên cho kỳ sáu tháng cuối năm để đảm bảo cho việc chi trả lương cho người lao động không gặp gián đoạn trước những dự báo được cho là bất lợi với thị trường trong 6 tháng cuối năm 2022. Việc trích lập quỹ lương dự phòng này, Dệt may Huế đã có văn bản chấp thuận của Tổng giám đốc, tuy nhiên KPMG cho rằng chứng từ này chưa đủ căn cứ để chứng minh nghĩa vụ nợ hiện tại của công ty với người lao động do đó KPMG đã đưa ra ý kiến ngoại trừ. Toàn bộ quỹ lương trích trước này Dệt may Huế đã sử dụng trước 31/03/2023, theo đúng quy định của pháp luật.

2. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm trên BCTC soát xét bán niên năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 có sự chênh lệch trên 10%:

Đối với BCTC soát xét bán niên Công ty mẹ:

+ LNST 6 tháng năm 2023 trên BCTC soát xét Công ty mẹ: 21.917.772.206 đồng

+ LNST 6 tháng năm 2022 trên BCTC soát xét Công ty mẹ: 114.096.210.000 đồng

Chênh lệch giảm 92.178.437.794 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 80,79% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với BCTC soát xét bán niên Hợp nhất:

- LNST 6 tháng năm 2023 trên BCTC soát xét hợp nhất: 117.361.496.026 đồng.

- LNST 6 tháng năm 2022 trên BCTC soát xét hợp nhất: 898.473.251.269 đồng.

Chênh lệch giảm: 781.111.755.243 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 86,94% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chính:

- Về kết quả Hợp nhất:

Tiếp nối những khó khăn của thị trường từ cuối năm 2022, sang đầu năm 2023, các doanh nghiệp của Tập đoàn tiếp tục phải đối mặt với việc thiếu hụt đơn hàng cả về số lượng và đơn giá do cầu thấp. Đơn hàng thiếu hụt, người lao động thiếu việc làm. Để đảm bảo duy trì việc làm cho người lao động, các doanh nghiệp của Tập đoàn buộc phải nhận những đơn hàng giá thấp song vẫn cố gắng đảm bảo mức lương cho người lao động bình quân trên 8 triệu đồng/người/tháng (trong khi với mức giá của các đơn hàng nhận được thì mức lương bình quân chỉ đạt dưới 6 triệu đồng/người/tháng). Điều này làm ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn đặc biệt đối với ngành Dệt may là ngành có số lượng lao động rất lớn.

- Về kết quả Công ty mẹ:

Kết quả công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2023 giảm mạnh so với cùng kỳ, chủ yếu do việc trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư đối với các đơn vị thành viên. Trước những ảnh hưởng tiêu cực từ thị trường, chính sách việc làm và thu nhập nêu trên, các

đơn vị thành viên đều có kết quả sản xuất kinh doanh thấp. Do đó trong sáu tháng đầu năm 2023, Công ty mẹ Tập đoàn phải trích lập dự phòng 75 tỷ đồng làm lợi nhuận giảm mạnh (Cùng kỳ năm trước khi hầu hết các đơn vị đều có hiệu quả cao, Công ty mẹ hoàn nhập dự phòng 14 tỷ đồng).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.



Cao Hữu Hiếu